

Cơ sở lý luận và phương pháp đánh giá xung đột môi trường

Lê Ngọc Thanh^{1*}, Mai Trọng Thông², Lê Văn Hương²

¹Viện Địa lý tài nguyên TP Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam

²Viện Địa lý, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam

Ngày nhận bài 1/2/2016, ngày chuyển phản biện 16/2/2016, ngày nhận phản biện 16/3/2016, ngày chấp nhận đăng 31/3/2016

Bài báo trình bày cơ sở lý luận và phương pháp đánh giá xung đột môi trường (XĐMT), từ đó cung cấp luận cứ khoa học ứng dụng vào thực tiễn để giải quyết các XĐMT phát sinh trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội. XĐMT là một dạng xung đột xã hội liên quan tới quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và tác động lên môi trường tự nhiên. Đánh giá XĐMT là quá trình phân tích gồm: nhận dạng, xác định nguyên nhân và hậu quả xã hội; dự báo biến đổi và đề xuất các giải pháp giải quyết.

Từ khóa: biến đổi xung đột môi trường, đánh giá xung đột môi trường, giải quyết xung đột môi trường, xung đột môi trường.

Chỉ số phân loại 5.7

Theoretical basis and method of environmental conflict assessment

Summary

The article presents the theoretical basis and method of environmental conflict assessment to provide the scientific foundation applying to reality, there by learn the experience to improve the theory for solving efficiently the environmental conflicts arising in socio-economic development activities. As a result, the environmental conflict is identified as a social conflict related to management, exploitation, and use of natural resources and impact on the natural environment. The environmental conflict assessment is a process of analysis including: identification, determining cause and social consequence, transformation anticipation and proposing environmental conflict solving measures.

Keywords: environmental conflict, environmental conflict assessment, environmental conflict solving, environmental conflict transformation.

Classification number 5.7

Mở đầu

XĐMT là một trong những chủ đề nghiên cứu quan trọng, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn của xã hội học môi trường. Đây là chuyên ngành nghiên cứu còn khá mới không chỉ ở nước ta, mà cả trên thế giới. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học môi trường là tương tác giữa con người với tự nhiên và giữa các nhóm xã hội khác nhau trong mối quan hệ giữa khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường [1].

Trong những năm gần đây, đã có một số công trình nghiên cứu trong nước về XĐMT [2-4], nhưng có thể nói cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu đồng bộ và toàn diện về lý luận của chủ đề này. Do đó, việc nghiên cứu cơ sở lý luận và phương pháp đánh giá XĐMT là hết sức cần thiết nhằm cung cấp luận cứ khoa học ứng dụng vào thực tiễn cụ thể, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm để nâng cao lý luận phục vụ giải quyết một cách hiệu quả các XĐMT phát sinh trong hoạt động phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH).

Khái niệm XĐMT

Những quan điểm về XĐMT

Khái niệm XĐMT đã xuất hiện trên thế giới từ cuối những năm 80 đến đầu những năm 90 của thế kỷ trước [5, 6]. Cho đến nay, việc nghiên cứu về XĐMT đã tương đối phổ biến trên thế giới và XĐMT được hiểu và định nghĩa khác nhau, nhưng nổi bật có hai quan niệm khác nhau về XĐMT:

*Tác giả liên hệ: Email: lnthanh@hcmig.vast.vn

Quan niệm thứ nhất của Nhóm ENCOP (The Environment and Conflicts Project) dẫn đầu bởi Gunther Baechler. Libiszewski thuộc nhóm này định nghĩa: “XĐMT là xung đột chính trị, xã hội, kinh tế, tôn giáo, lãnh thổ, tộc người, hoặc là xung đột đối với các nguồn tài nguyên hay lợi ích quốc gia...” [5].

Quan niệm thứ hai của nhóm Tonroto do Thomas Homer-Dixon lãnh đạo cho rằng, “XĐMT là những xung đột dữ dội do sự khan hiếm môi trường (environment scarcity) gây ra trong sự tương tác với nhiều yếu tố, thường là các yếu tố có tính chất bối cảnh, tình huống cụ thể...” [5].

Ở nước ta XĐMT là một khái niệm khá mới, do đó không có nhiều nghiên cứu về chủ đề này. Khái niệm về XĐMT có thể được hiểu như định nghĩa mà Vũ Cao Đàm [7] đã nêu ra: “XĐMT là quá trình hình thành và phát triển những mâu thuẫn giữa các nhóm xã hội trong khai thác và sử dụng các tài sản môi trường”. XĐMT là xung đột (mâu thuẫn) về quyền lợi giữa các nhóm xã hội khác nhau trong việc khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên và môi trường. Nhóm này muốn tước đoạt lợi thế của nhóm khác trong việc khai thác sự đấu tranh giữa các nhóm để phân phối lại lợi thế về tài nguyên. Theo Trần Phúc Thăng, Lê Thị Thanh Hà [8] thì “XĐMT là xung đột về lợi ích giữa các nhóm trong xã hội trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và môi trường”. Theo Lê Thanh Bình và Phạm Thị Bích Hà [9], bản thân thuật ngữ “xung đột” (*conflict*) đứng riêng bao hàm nhiều nghĩa, nhiều cấp độ liên quan đến sự bất đồng nghiêm trọng, sự đối lập về quyền lợi hoặc mối quan tâm. Trong tiếng Anh, thuật ngữ “conflict” có nghĩa phổ biến là trạng thái đối lập hoặc thù địch, sự đấu tranh; còn có nghĩa là sự mâu thuẫn, bất đồng, bất hoà nghiêm trọng (*serious disagreement*); tranh cãi, tranh luận (*argument, controversy*); sự đối lập (*opposition*); sự khác biệt (*difference*); bất đồng, không tương hợp (*controversy*); va chạm (*collision*). Như vậy, khái niệm xung đột ở đây cần phải hiểu theo nhiều nghĩa khá rộng, chứ không chỉ thu hẹp ở nghĩa xung đột là có đấu tranh, dùng vũ lực, có vũ trang. Qua những phân tích trên, có thể hiểu XĐMT là quá trình hình thành và phát triển những mâu thuẫn giữa các nhóm xã hội trong khai thác và sử dụng các tài sản môi trường. Tác giả Nguyễn Đình Hòe [10] cho rằng, “mâu thuẫn - tranh chấp - xung đột” là 3 bậc thang của một quá trình bất đồng thuận xã hội có tên chung là XĐMT. Vì vậy,

không nhất thiết phải gọi riêng tranh chấp môi trường và XĐMT. Khi thảo luận và xử lý một vụ XĐMT cụ thể, cần chỉ rõ là nó đang ở giai đoạn nào là chính. Bởi lẽ các giai đoạn: mâu thuẫn - tranh chấp - xung đột không hoàn toàn tách rời nhau, mà chúng sinh ra ở trong nhau, cái này là kết quả hoặc là nguyên nhân ở ngay trong lòng cái kia.

XĐMT

Mặc dù có nhiều định nghĩa khác nhau về XĐMT, nhưng hầu hết đều thống nhất quan điểm, đó là mâu thuẫn, tranh chấp, xung đột về lợi ích trong khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên và tác động đến môi trường tự nhiên. Sự xung đột về lợi ích có thể phát sinh giữa các cộng đồng trong xã hội, giữa các quốc gia... mà đại diện là các nhóm xã hội khác nhau. Theo cách tiếp cận xã hội học môi trường, có thể đưa ra định nghĩa: “XĐMT là một dạng xung đột xã hội liên quan với quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và tác động lên môi trường tự nhiên”.

Trong XĐMT luôn phải có các bên liên quan tham gia, tức là các đương sự xung đột. Có thể xác định các đương sự xung đột như sau: 1) Không phân chia giới tuyến; 2) Có phân chia giới tuyến; 3) Giữa cơ quan quản lý tài nguyên và môi trường với cộng đồng dân cư; 4) Giữa các cơ quan quản lý tài nguyên và môi trường.

Các tiêu chí phân loại XĐMT

Các loại XĐMT thường đan xen, hòa trộn và kết hợp với nhau. Trong những trường hợp đó, xuất hiện nhiều dạng, loại XĐMT khác nhau, phức tạp. Về cơ bản, XĐMT có thể phân loại theo 8 tiêu chí, bao gồm các chỉ tiêu khác nhau như sau:

Quy mô

Theo quy mô, XĐMT được phân chia theo các chỉ tiêu thành: quy mô nhỏ (các bên xung đột là các cá nhân, các hộ gia đình); quy mô nhóm (xung đột giữa các nhóm xã hội); quy mô địa phương (xung đột giữa các địa phương); quy mô quốc gia (xung đột rất nguy hiểm, khó giải quyết một cách triệt để và hoàn toàn có thể leo thang thành các xung đột vũ trang, đối đầu giữa các quốc gia).

Mức độ

XĐMT có thể diễn ra ở mức độ thấp và mức độ cao: *Mức độ thấp*: ở đây xung đột chỉ dừng lại ở khác

biệt quan điểm, nhưng cuối cùng trên cơ sở tìm kiếm sự nhất trí hoặc thỏa hiệp về mặt nhận thức, tức là ở giai đoạn tiềm ẩn. Có thể xuất hiện những tranh chấp lợi ích kinh tế, song có thể điều hòa bằng những giải pháp chia sẻ lợi ích. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp không thể tìm kiếm được những giải pháp thỏa hiệp để chia sẻ lợi ích, mà phải dùng đến những biện pháp điều chỉnh bằng pháp luật.

Mức độ cao: là những xung đột có thể dẫn tới những nguy cơ về an ninh xã hội.

Theo quan điểm của Nguyễn Đình Hòa [10], XĐMT có thể phân thành 3 mức độ từ thấp đến cao: 1) *Mâu thuẫn*; 2) *Tranh chấp* và 3) *Xung đột*.

Cường độ

Xung đột có thể xảy ra theo các cường độ khác nhau như sau:

Không nghiêm trọng: xung đột không bắt nguồn từ những chênh lệch lợi thế về quyền lực, lợi ích, đồng thời các bên đương sự đều hiểu rất rõ điều đó không dẫn đến những tác hại quá lớn cho mỗi bên.

Ít nghiêm trọng: xuất hiện giữa các đương sự đang khai thác tài nguyên và sử dụng môi trường trên cùng một địa bàn, trong chừng mực nào đó họ dễ dàng dàn xếp với nhau.

Nghiêm trọng: có thể dẫn đến những phản ứng mạnh mẽ của các đương sự như khiếu kiện, biểu tình, chặn đường...

Rất nghiêm trọng: đây là những XĐMT bắt nguồn từ những bất bình đẳng lớn về quyền lực, khai thác sử dụng tài nguyên và môi trường, cả về tài chính, chính trị. Ở mức độ này, có thể dẫn tới xung đột vũ trang.

Tính chất

Theo quan niệm thông thường, xung đột được hiểu theo nghĩa tiêu cực. Thật ra, nếu xung đột được hiểu như tất yếu xã hội phát sinh từ nguyên nhân của sự phát triển, thì hậu quả của XĐMT cần được hiểu ở cả nghĩa tích cực và nghĩa tiêu cực. Xung đột xã hội tự bản thân nó không nhất thiết là xấu, mà là tín hiệu cho sự cần thiết phải thay đổi theo chiều hướng phát triển xã hội tốt hơn. Không có xung đột không phải lúc nào cũng tốt, vì điều đó chỉ ra sự thờ ơ, không hiểu biết, kém năng lực của cộng đồng. Điều kiện như vậy có thể làm cản trở mục tiêu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường so với tồn tại XĐMT nhưng được quản lý tốt.

Tương quan

Theo tương quan giữa các bên xung đột, có thể phân chia thành: *xung đột một chiều* (đương sự này gây hại cho đương sự kia và chưa có phản ứng ngược); *xung đột hai chiều* (đương sự này gây hại cho đương sự kia và nhận những phản ứng ngược lại).

Đối tượng

Về đối tượng có thể phân chia các loại XĐMT theo: *không gian* (khi chức năng không gian của môi trường trở thành tài nguyên vị thế); *tài nguyên* (tranh chấp sử dụng tài nguyên giữa các nhóm xã hội); *đầu tư* (sức hút của lĩnh vực này làm giảm nhẹ sức hút của lĩnh vực khác).

Nguyên nhân

Theo Vũ Cao Đàm [7], dựa vào nguyên nhân có thể tồn tại những loại xung đột sau: *xung đột nhận thức*: xung đột đơn giản nhất, có căn nguyên từ sự hiểu biết khác biệt nhau dẫn đến hành động phá hoại môi trường của các đương sự; *xung đột mục tiêu*: mục tiêu hoạt động khác nhau của các đương sự dẫn đến xung đột; *xung đột lợi ích*: xuất hiện khi các đương sự tranh giành lợi thế sử dụng tài nguyên; *xung đột quyền lực*: đương sự có quyền lực mạnh hơn lấn át, chiếm dụng lợi thế của đương sự khác, dẫn đến xung đột.

Theo Spillmann [6], dựa vào nguyên nhân có 3 loại xung đột: 1) *Xung đột do thảm họa thiên nhiên*: gây ra bởi những biến đổi môi trường không do con người tạo ra (những thay đổi môi trường này không phụ thuộc vào kế hoạch hay quyết định của con người); 2) *Xung đột do biến đổi môi trường có kế hoạch*: gây ra bởi những biến đổi môi trường do quyết định của chính phủ vì lợi ích chung của đất nước, trong khi có một số nhóm xã hội bị tổn hại; 3) *Xung đột do biến đổi môi trường không có kế hoạch*: biến đổi do hậu quả hành động của từng cá nhân, nhưng tổng hợp hậu quả hành động lại tạo ra các hậu quả tiêu cực (mỗi cá nhân hành động vì lợi ích tối đa của họ và không ai chịu trách nhiệm cuối cùng).

Hành động

Theo Vũ Cao Đàm [7], tùy mức độ mất cân bằng về quyền lực, có thể tồn tại 3 loại hành động xung đột: 1) *Đe dọa*: là đặt đương sự trước những nguy cơ tiềm ẩn bằng các phương tiện quyền lực để thúc đẩy họ rẽ sang hướng khác, dẫn đến bất lợi cho bản thân đương sự; 2) *Trừng phạt*: là gây những tác động làm

phương hại tới quyền lực, tài chính hoặc danh dự của đương sự (hành động trừng phạt xuất hiện khi hành động đe dọa tỏ ra không có tác dụng, khi đó đương sự đe dọa chuyển sang dùng các phương tiện quyền lực gây hại cho đương sự xung đột); 3) *Đàm phán*: là sự thương lượng của các đương sự xung đột để tìm kiếm những giải pháp chia sẻ quyền lợi (đàm phán xảy ra khi đương sự trừng phạt nhận thấy tiếp tục trừng phạt sẽ tốn kém hoặc mạo hiểm so với kết quả có thể thu được từ đàm phán).

S.A. Mason [11] phân chia XĐMT thành 3 loại: 1) *Xung đột sử dụng gián tiếp tài nguyên*: liên quan với việc sử dụng tài nguyên mang tính thương mại; 2) *Xung đột sử dụng trực tiếp tài nguyên*: liên quan đến sự khan hiếm tài nguyên ở địa phương hay khu vực; 3) *Xung đột phức hợp*: đặc trưng bởi tính chất leo thang của xung đột hơn là do việc sử dụng tài nguyên tạo ra (loại xung đột này bao hàm cả 2 loại xung đột trên, cộng với những động lực phổ biến khác gây ra sự leo thang của xung đột).

Homer-Dixon [12] cũng phân các xung đột thành 3 loại: 1) *Xung đột khan hiếm đơn giản*: xảy ra khi chính phủ tính toán một cách duy lý lợi ích của họ trong tình huống được hoặc mất của một bên xung đột, hoặc các bên đều mất (a zero-sum or negative sum situation). Những tình huống này có thể nảy sinh từ sự khan hiếm tài nguyên. 2) *Xung đột bản sắc nhóm (Group identity conflicts)*: xuất hiện từ sự di dân quy mô lớn do những biến đổi môi trường. Các tộc người với văn hóa khác nhau bị đẩy tới tình trạng nghèo khổ và căng thẳng. Điều đó có thể dẫn tới sự thù địch giữa các nhóm, trong đó mỗi nhóm nhấn mạnh bản sắc của họ đồng thời dèm pha, phân biệt và tấn công người ngoài nhóm. 3) *Xung đột bất mãn do tước đoạt tương đối (Relative-deprivation conflicts)*: khi các nước đang phát triển ít tạo ra sự giàu có do vấn đề môi trường, người dân có thể gia tăng bất mãn bởi khoảng cách giữa thành tựu kinh tế thực tế đạt được và mức độ họ xứng đáng được hưởng.

Nguyên nhân và hậu quả của XĐMT

Nguyên nhân

Theo Lê Thanh Bình và Phạm Thị Bích Hà [9], các nguyên nhân XĐMT có thể phân thành 2 nhóm:

Nhóm nguyên nhân xa hay gián tiếp: không liên quan trực tiếp với các bên xung đột, bao gồm:

- Gia tăng dân số hoặc di cư: khi dân số tăng nhanh, khả năng cung cấp nơi cư trú, khoảng không gian sống cho con người, cung cấp nguồn nguyên liệu bị vi phạm mạnh. Di dân từ nông thôn ra đô thị, từ nông thôn đến nông thôn, vùng này đến vùng khác; tiến hành khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và tác động lên môi trường tự nhiên.

- Cơ chế, chính sách yếu kém: các cơ chế, chính sách yếu kém; trong đó quyền sở hữu/sử dụng tài nguyên không được xác định rõ. Khi đó, tài nguyên có xu thế trở thành tài sản công cộng, không những không khuyến khích người dân tự nguyện đầu tư bảo vệ và phát triển, mà còn thúc đẩy họ sử dụng tài nguyên quá mức.

Nhóm nguyên nhân gần hay trực tiếp: có liên quan trực tiếp với các đương sự xung đột, bao gồm:

- Thiếu thông tin hoặc bỏ qua thông tin: sự cạnh tranh và dị biệt về giá trị nhân văn liên quan với giá trị tương đối của tài nguyên; thiếu kiến thức hoặc hiểu biết không đầy đủ về hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên do kết quả của thiếu thông tin, bỏ qua thông tin hoặc nhận thức không đúng về giá trị tài nguyên.

- Các hệ thống giá trị khác nhau: mỗi loại tài nguyên có những giá trị sử dụng và không sử dụng khác nhau. Các hệ thống giá trị này được đánh giá khác nhau bởi các nhóm người khác nhau trong xã hội, thậm chí bởi thế hệ hiện tại và các thế hệ tương lai. Điều đó dẫn đến sai lệch lợi ích và mục tiêu trong khai thác, sử dụng tài nguyên giữa các nhóm xã hội.

- Ý thức sai lệch trong khai thác, sử dụng tài nguyên: các vấn đề môi trường mới vẫn tiếp tục xuất hiện, đó là kết quả của việc con người nhận thức không đúng dẫn đến khai thác, sử dụng bất hợp lý tài nguyên.

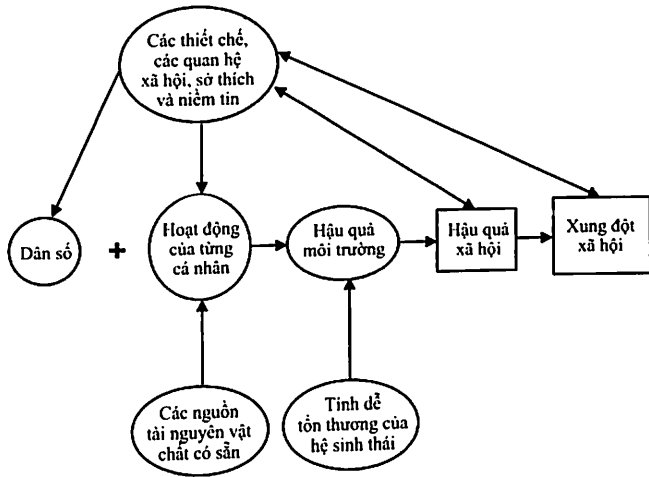
- Thiếu sự tham gia của các bên xung đột: XĐMT bao gồm các bên xung đột, do đó thiếu sự tham gia đầy đủ của các bên xung đột sẽ dẫn đến mất cân bằng lợi ích của các đương sự.

- Không cân bằng quyền lực giữa các nhóm xã hội: không cân bằng quyền lực giữa các nhóm xã hội làm cho nhóm có quyền lực mạnh hơn lấn át các nhóm khác.

Hậu quả xã hội

Homer-Dixon [12] đã đưa ra sơ đồ về biến đổi môi trường và xung đột xã hội (hình 1), trong đó chỉ ra mối quan hệ của một loạt nhóm yếu tố, bao gồm: 1) Dân

- số; 2) Hoạt động của từng cá nhân; 3) Các nguồn tài nguyên sẵn có; 4) Các thiết chế, quan hệ xã hội, sở thích và niềm tin; 5) Các hậu quả môi trường; 6) Tính dễ tổn thương của hệ sinh thái; 7) Các hậu quả xã hội; 8) Xung đột xã hội.



Hình 1: sự thay đổi môi trường và xung đột xã hội

Sơ đồ hình 1 cho thấy: các hậu quả môi trường trên một vùng lãnh thổ là một hàm hai biến: biến thứ nhất, tổng số dân cư sinh sống trên vùng sinh thái nhất định nhân với các hoạt động kinh tế của mỗi cá nhân; biến thứ hai, tính dễ tổn thương của hệ sinh thái đối với các hoạt động đó. Hoạt động của mỗi cá nhân lại bị quy định bởi nguồn tài nguyên sẵn có (bao gồm các tài nguyên tái sinh và không tái sinh) và các yếu tố tâm lý - xã hội như thiết chế, quan hệ xã hội, sở thích và niềm tin.

Sơ đồ này còn chỉ ra rằng, các hậu quả môi trường có thể tạo ra các hậu quả xã hội. Khi đó, các hậu quả xã hội, đến lượt mình có thể dẫn đến xung đột xã hội. Mô hình này nảy sinh 2 câu hỏi. Thứ nhất, hậu quả xã hội quan trọng của biến đổi môi trường là gì? Thứ hai, có xung đột xã hội hay không, và nếu có thì nó xuất phát từ các hậu quả xã hội nào? Câu hỏi thứ nhất tập trung vào mối quan hệ giữa hậu quả môi trường và hậu quả xã hội. Câu hỏi thứ hai phản ánh mối quan hệ giữa hậu quả xã hội và xung đột xã hội. Homer-Dixon đã chỉ ra 4 hậu quả xã hội chính, bao gồm: 1) Suy giảm sản xuất nông nghiệp; 2) Suy thoái kinh tế nói chung; 3) Di cư; 4) Phá vỡ các thiết chế và quan hệ xã hội (2 hậu quả sau một phần do kết quả của 2 hậu quả đầu tiên).

Theo quan điểm biện chứng, có thể coi các hậu quả xã hội và XĐMT là các quá trình xã hội tác động lẫn nhau và thúc đẩy nhau cùng phát triển. Điều đó có

nghĩa là, các hậu quả xã hội dẫn đến XĐMT thì ngược lại, XĐMT sẽ tác động trở lại làm thay đổi chúng để đạt đến một cân bằng mới, bao gồm công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Cụ thể, XĐMT có thể dẫn đến: 1) Chặn đứng suy giảm và tạo điều kiện gia tăng sản xuất nông nghiệp; 2) Góp phần phát triển kinh tế; 3) Giảm hiện tượng di dân; và 4) Thiết lập mới các thiết chế và quan hệ xã hội.

Biến đổi XĐMT

Biến đổi xung đột (*conflict transformation*) là một lĩnh vực tương đối mới trong nghiên cứu XĐMT. Khái niệm này xuất hiện một phần là do thuật ngữ “giải quyết xung đột” (*conflict resolution*) thường sử dụng trước đây không thể truyền đạt hết tầm nhìn tìm kiếm một kết quả mang tính xây dựng từ xung đột. Tiếp cận này cũng giúp hiện thực hóa yêu cầu giải quyết xung đột một cách bền vững. Chỉ đơn thuần tập trung vào các biểu hiện cảm xúc, mà không nhìn ra những cơ hội căn cơ đối với biến đổi xã hội sẽ dẫn đến thất bại trong việc quản lý xung đột. Vì vậy, mục tiêu cốt yếu của biến đổi xung đột là nhằm quản lý bền vững tài nguyên, bao gồm phân phối công bằng những lợi ích phát sinh từ các tài nguyên thiên nhiên đó.

Hiện nay, có hai quan điểm khác nhau về biến đổi XĐMT thông qua các bộ tiêu chí khác nhau:

Augsberger [13] đưa ra 3 tiêu chí bao gồm: 1) Những thay đổi trong thái độ của các bên xung đột (thay đổi nhận thức, lòng tôn trọng,...); 2) Hành vi (giao tiếp tốt hơn, hành động cùng có lợi,...); 3) Những thay đổi trong chính bản thân xung đột (loại bỏ sự không tương hợp...).

Lederach [14] đề xuất các tiêu chí biến đổi xung đột như sau: 1) Suy giảm tác động tiêu cực của xung đột; 2) Tối đa hóa tiềm năng phát triển; 3) Thừa nhận sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các bên xung đột; 4) Gia tăng sự công bằng (tham gia và bình đẳng); 5) Thiết lập các cơ cấu xã hội, các thiết chế chính trị/xã hội và kinh tế tạo điều kiện cho sự bình đẳng; 6) Thay đổi trong cơ cấu của xã hội.

Đối với các XĐMT trong các dự án, dự báo biến đổi XĐMT thực hiện qua bộ tiêu chí Augsberger. Dự báo biến đổi XĐMT cho các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển KT-XH, có thể áp dụng bộ tiêu chí Lederach. Nhìn chung, sự khác nhau giữa hai bộ tiêu chí này là ở quy mô biến đổi xung đột. Trong khi Augsberger tập trung nhiều hơn trong phạm vi xung

đột, thì Ledereach nhấn mạnh đến các biến đổi ở cấp độ thiết chế và xã hội với hàm ý tác động vượt ra khỏi khuôn khổ xung đột. Kết quả dự báo biến đổi XĐMT là một luận cứ quan trọng nhằm đề xuất các giải pháp giải quyết XĐMT.

Giải quyết XĐMT

Giải quyết XĐMT là nhằm điều hòa những vị trí đối lập, làm cho quản lý xung đột thành một bộ phận liên kết không thể tách rời của quản lý môi trường, liên kết tất cả các bên xung đột.

S.A. Mason [11] cho rằng quản lý XĐMT đề cập đến các kiểu can thiệp xung đột, mà những xung đột này liên quan đến việc sử dụng các tài nguyên thiên nhiên và suy thoái môi trường. Điều này có mục đích giải quyết các vấn đề nhận thức bởi các bên liên quan, chuyển đổi quan hệ thù địch của họ thành quan hệ hợp tác, và nâng cao sự bền vững sinh thái học. Để giải quyết XĐMT cần phải xác định được hai nhóm nhân tố. Thứ nhất, nhóm nhân tố nguồn gốc gây nên xung đột (*root causes*). Thứ hai, nhóm nhân tố tác động lên xung đột (*influencing factors*). Cần phải lưu ý rằng không bao giờ nhóm nhân tố tác động lên xung đột đồng nhất với nhóm nhân tố nguồn gốc gây ra xung đột.

Về vấn đề giải quyết XĐMT, Mason S.A đề cập đến các khái niệm “ngăn chặn xung đột mang tính cấu trúc” (*structural conflict prevention*) - tập trung vào ngăn chặn khủng hoảng và các nhân tố gây nên xung đột; và “ngăn chặn xung đột mang tính sẵn sàng hành động” (*operational conflict prevention*) - áp dụng để giải quyết trực tiếp các khủng hoảng trong những tình huống khẩn cấp.

Sulelo (AIT) cùng một số tác giả khác [7] đã đưa ra một số cách giải quyết XĐMT như sau:

Dự báo biến đổi XĐMT (Environment conflict anticipation): bằng kết quả dự báo có thể tìm kiếm được sự thỏa thuận giữa các bên đối với các vấn đề môi trường nhằm khẳng định khả năng chấp thuận của những người ra quyết định.

Liên kết cùng giải quyết (Joint problem solving): bao gồm sự đạt được những thỏa thuận không chính thức giữa các bên tham gia liên quan nhằm khẳng định khả năng chấp thuận của những người ra quyết định.

Hòa giải môi trường (Environment mediation): quá trình đàm phán mang tính chính thức hơn và ngắn gọn

hơn giữa các đại diện chính thức của các bên xung đột.

Phân xử ràng buộc (Binding arbitration): hướng giải quyết do trọng tài quyết định. Nó có áp lực pháp luật với các bên xung đột.

Đàm phán hoặc thương lượng: biện pháp được sử dụng ở nơi mà các bên liên quan có các quyền lợi xung đột nhưng đều có nhu cầu chung là đạt tới một thỏa thuận nào đó.

Đối thoại chính sách (Policy dialogue): được thực hiện thông qua các hội nghị không chính thức để thảo luận và cố vấn cho các cơ quan.

Ở nước ta, quan điểm chung cho rằng, giải quyết XĐMT là giải quyết xung đột xã hội, có nghĩa là duy trì trật tự xã hội, là những hoạt động nhằm duy trì ổn định và sự phát triển hài hòa của các thành viên trong cơ cấu xã hội. Nó biểu hiện tính tổ chức của đời sống xã hội, tính chuẩn mực của các hành động xã hội. Cơ chế đảm bảo cho trật tự xã hội là các thiết chế xã hội. Các thiết chế xã hội này điều chỉnh các mối quan hệ, mà theo quyết định thuần kinh tế, chủ yếu là quan hệ kinh tế giữa các nhóm hoặc các giai cấp xã hội. Sự điều chỉnh này thường cần đến những lợi ích của các nhóm; các lợi ích này sẽ được điều chỉnh cho đến khi đạt được một sự cân bằng thông qua kiểm soát xã hội.

Trong các giải pháp quản lý XĐMT, cần quan tâm tới quan hệ cộng tác giữa các nhóm, sự đồng thuận xã hội trong việc chia sẻ quyền lợi, tìm tiếng nói chung để ngăn chặn nguy cơ huỷ hoại môi trường. Để giải quyết XĐMT như một dạng xung đột xã hội đặc biệt, giải pháp chủ yếu và đang được xem là tối ưu là thương lượng, đàm phán, hoà giải. Sự thương lượng, đàm phán, hòa giải giữa các đối tác đang ngày càng được sử dụng như một cách tốt nhất để giải quyết các XĐMT.

Vũ Cao Đàm [7] cho rằng, xã hội học môi trường không chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu xung đột xã hội, mà còn nghiên cứu biện pháp điều hòa lợi ích giữa các nhóm trên cơ sở tôn trọng các cam kết và kiểm soát xã hội về chuẩn mực môi trường. Cuối cùng tất yếu phải dẫn đến những nghiên cứu về các giải pháp giải quyết XĐMT; các cơ quan nhà nước phải đưa ra các thiết chế và giải pháp quản lý XĐMT (*environmental conflict management*).

Mọi đàm phán và thỏa thuận đều cần phải căn cứ trên chuẩn mực giá trị chung về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Chuẩn mực đó bao gồm những

chuẩn mực về kỹ thuật và những chuẩn mực về đạo đức. Những nguyên tắc xử lý xung đột trên đây là cơ sở cho các đối thoại, thương lượng, hòa giải và phân chia lợi ích nhằm chống lại những hành vi phá hoại môi trường. Vấn đề không chỉ dừng lại ở những biện pháp giáo dục để nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; cũng không chỉ dừng lại ở những khuyến nghị về công nghệ, về chủ trương đầu tư, mà quan trọng hơn là phải hình thành những thiết chế và kiểm soát xã hội đối với các hành vi lệch chuẩn về môi trường.

Giải quyết XĐMT cần có giải pháp đồng bộ, mang tính căn cơ. Một giải pháp đồng bộ bao gồm:

Thứ nhất, xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách chia sẻ nguồn lợi chung về tài nguyên. Phần lớn các nguồn tài nguyên thiên nhiên là tài sản chung, cho nên cần có sự chia sẻ quyền lợi và trách nhiệm giữa nhà nước và các địa phương, cộng đồng. Cần kết hợp giữa lợi ích nhà nước, lợi ích xã hội, lợi ích cá nhân trong các chính sách về tài nguyên.

Thứ hai, trong các chính sách về tài nguyên, cần phân định rõ về quyền sở hữu với quyền sử dụng các tài nguyên. Xác lập được quyền quan trọng này là một nhân tố cơ bản để quản lý, sử dụng bền vững các tài nguyên.

Thứ ba, xây dựng, hoàn thiện các chính sách về tài chính đảm bảo phát triển bền vững.

Thứ tư, đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục, xã hội hóa công tác quản lý, giải quyết XĐMT bằng hòa giải.

Kết luận

Các hoạt động phát triển KT-XH của con người đã làm phát sinh những vấn đề môi trường bức xúc, dẫn đến xuất hiện nhiều sự kiện, hiện tượng xã hội mới cần quan tâm nghiên cứu, đặc biệt là XĐMT. Nghiên cứu cơ sở lý luận và phương pháp đánh giá XĐMT không chỉ có ý nghĩa khoa học mà còn có ý nghĩa thực tiễn.

Trên cơ sở thu thập tài liệu, hệ thống hóa các nghiên cứu trong và ngoài nước, các tác giả đã tiến hành phân tích và làm rõ một số vấn đề về XĐMT:

Một là, XĐMT được hiểu là một dạng xung đột xã hội liên quan với quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và tác động lên môi trường tự nhiên.

Hai là, đánh giá XĐMT là quá trình nghiên cứu, phân tích gồm các bước: nhận dạng; xác định nguyên

nhân; đánh giá ảnh hưởng và hậu quả xã hội; dự báo biến đổi; và đề xuất các giải pháp giải quyết XĐMT.

Lời cảm ơn

Công trình này là một phần kết quả của đề tài “Nghiên cứu, đánh giá XĐMT ở Tây Nguyên trong thời kỳ đổi mới và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững”, mã số TN3/T17-KHCN-TN3/11-15 thuộc Chương trình Tây Nguyên 3. Các tác giả xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ của Chương trình.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Tuấn Anh (2011), *Xã hội học môi trường*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Vũ Cao Đàm (2000), “Phương hướng nghiên cứu và giáo dục xã hội học môi trường”, *Tạp chí Bảo vệ Môi trường*, 9, tr.37-40.
- [3] Cao Thị Thu Trang, Trần Đình Lân, Dương Thanh Nghị, Đỗ Thị Thu Hương (2012), “Phân tích XĐMT khu vực bờ biển Hải Phòng”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển*, 12, tr.46-56.
- [4] Phạm Xuân Trường (2009), “Environment Conflicts in the Industrialization and Modernization of Vietnam”, *Advances in Natural Sciences*, 10 (4), pp.533-546.
- [5] S. Libiszewski (1992), “What is an Environmental Conflict - Environment and Conflicts Project”, *Central for Security Studies, ETH Zurich/Swiss Peace Foundation Zurich/Berne 1992-1995*.
- [6] K.R. Spillmann (1995), “From Environmental Change to Environmental Conflicts”, *Swiss Federal Institute of Technology Zurich*.
- [7] Vũ Cao Đàm (2002), *Xã hội học môi trường*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [8] Trần Phúc Thăng, Lê Thị Thanh Hà (2014), “Vấn đề XĐMT ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, 7, tr.9-17.
- [9] Lê Thanh Bình, Phạm Thị Bích Hà (2002), “XĐMT”, *Xã hội học môi trường*, tr. 95-114, Vũ Cao Đàm (chủ biên), NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [10] Nguyễn Đình Hòa (2014), “Nhận diện XĐMT”, <http://www.vacne.org.vn/hoa-giai-xung-dot-moi-truong-2-nhan-dien-xung-dot-moi-truong/213331.html>.
- [11] S.A. Mason, et al (2008), “Linking Environment and Conflict Prevention: The Role of the United Nations”, *Center for Security Studies - Swiss Federal Institute of Technology Zurich*.
- [12] T. Homer-Dixon (1991), “On the Threshold: Environmental Changes as Causes of Acute Conflict”, *International Security*, 16(2), pp.76-116.
- [13] D. Augsburg (1992), “Conflict Mediation Across Cultures: Pathways and Patterns”, *Westminster & John Knox, Kentucky*.
- [14] J. Lederach (1997), “Building Peace: Sustainable Reconciliation in Divided Societies”, *United States Institute of Peace Press, Washington, DC*.